BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

PHÉP THỬ THỊ TRƯỜNG TRƯỚC BIẾN ĐỘNG QUỐC TẾ

Ngày: 13/04/2026 – 17/04/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng

Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái "tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài". Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

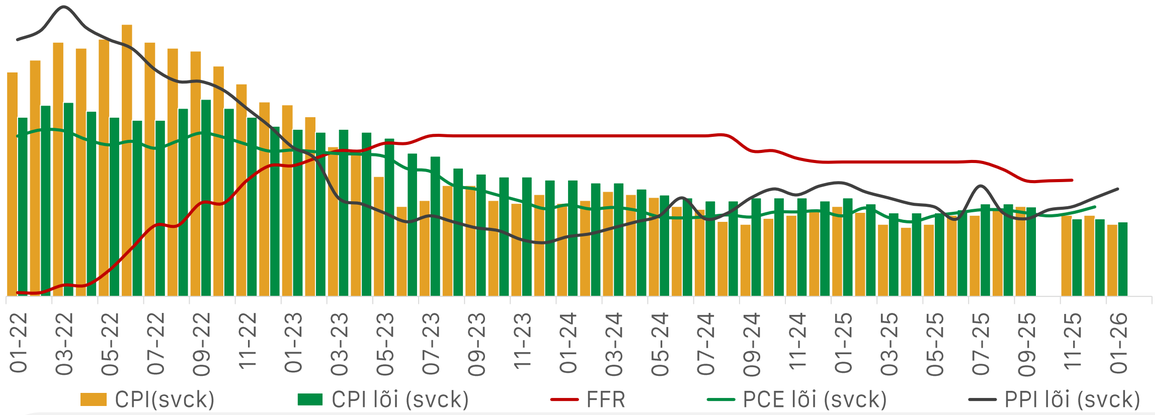

Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ

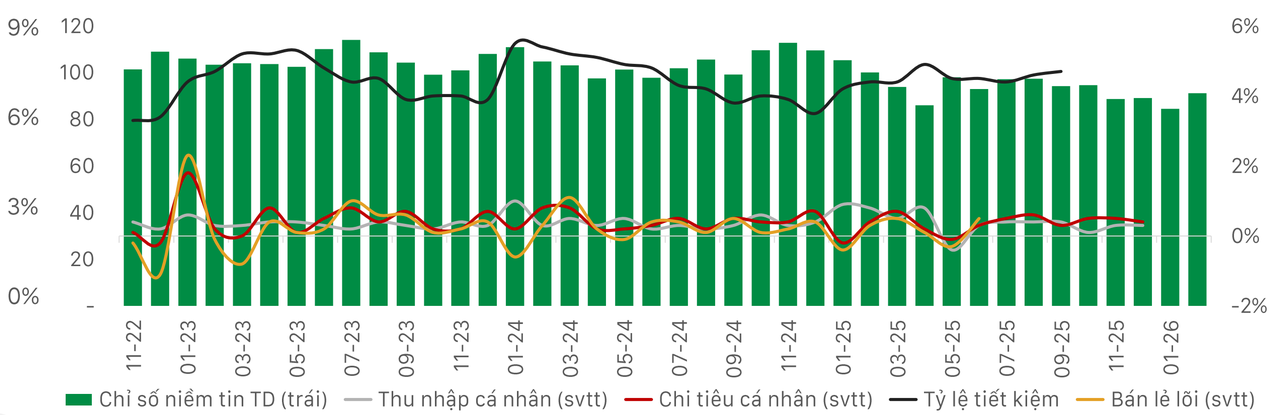

1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ. Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn "solid", nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.

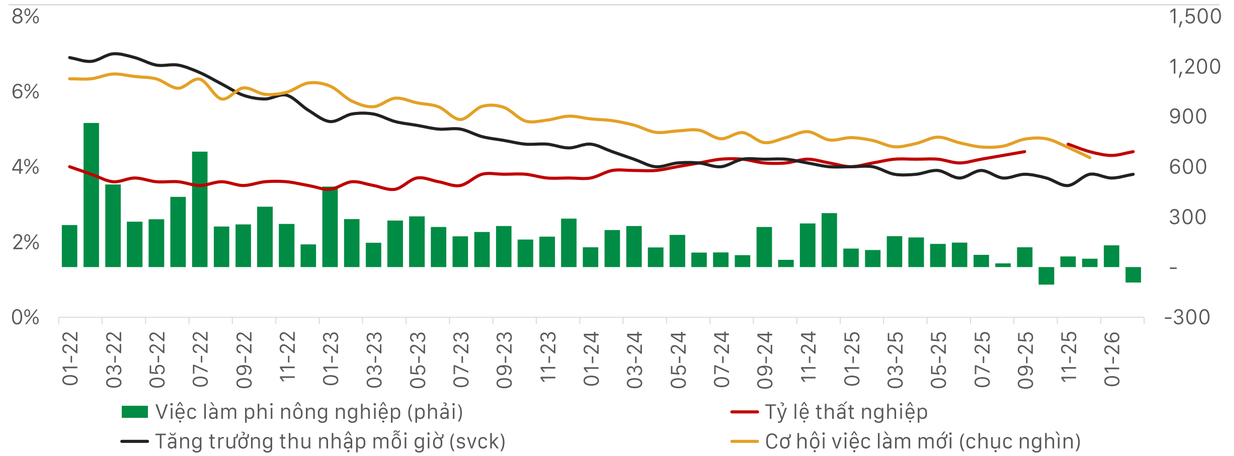

Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, xuất khẩu mạnh nhưng nội lực suy yếu

Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái "tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu". Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5 %) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5 % trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích

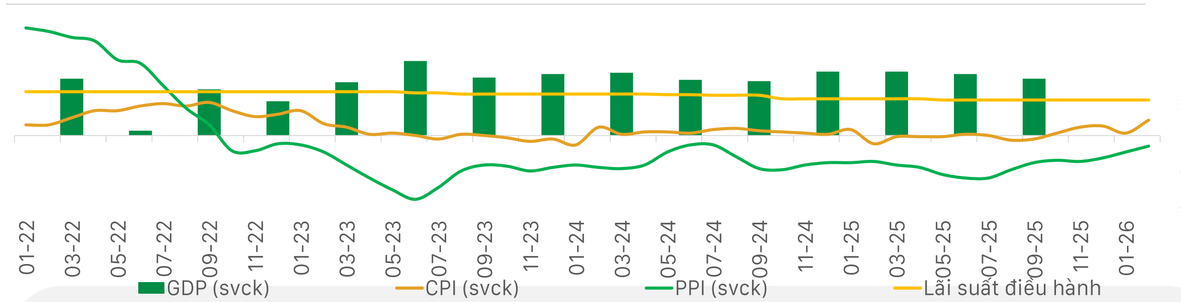

Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính

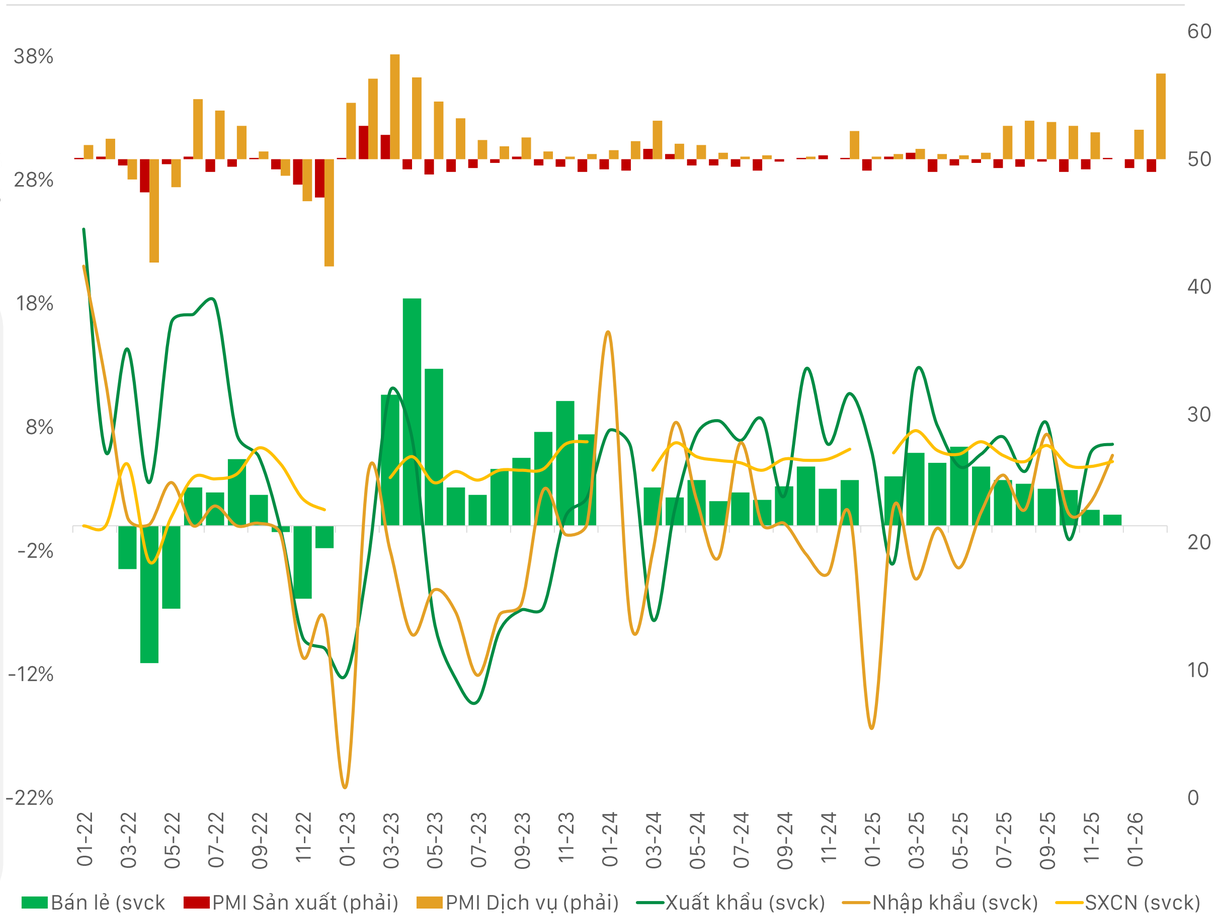

1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích. Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5 %, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ "tăng trưởng nhanh" sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5 % trong năm 2026, thấp hơn mức 5 % năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8 % trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu.Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

Châu Âu phục hồi yếu, lạm phát hạ nhiệt và chính sách tiền tệ chuyển sang hỗ trợ tăng trưởng

Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái "ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá". Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định

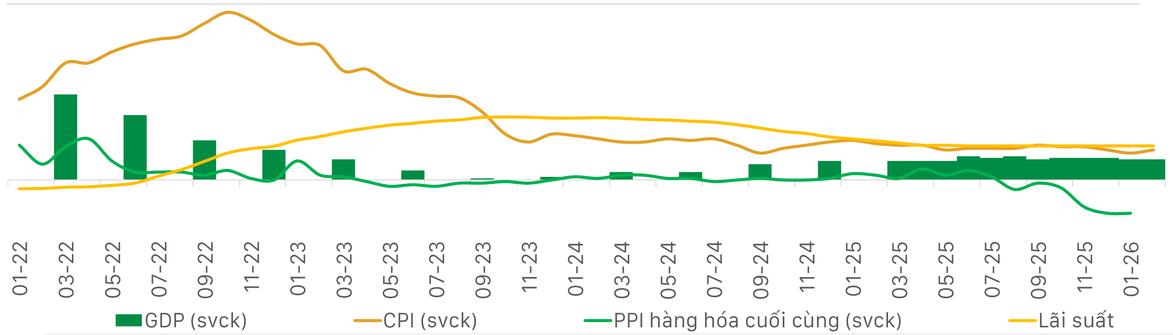

Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.

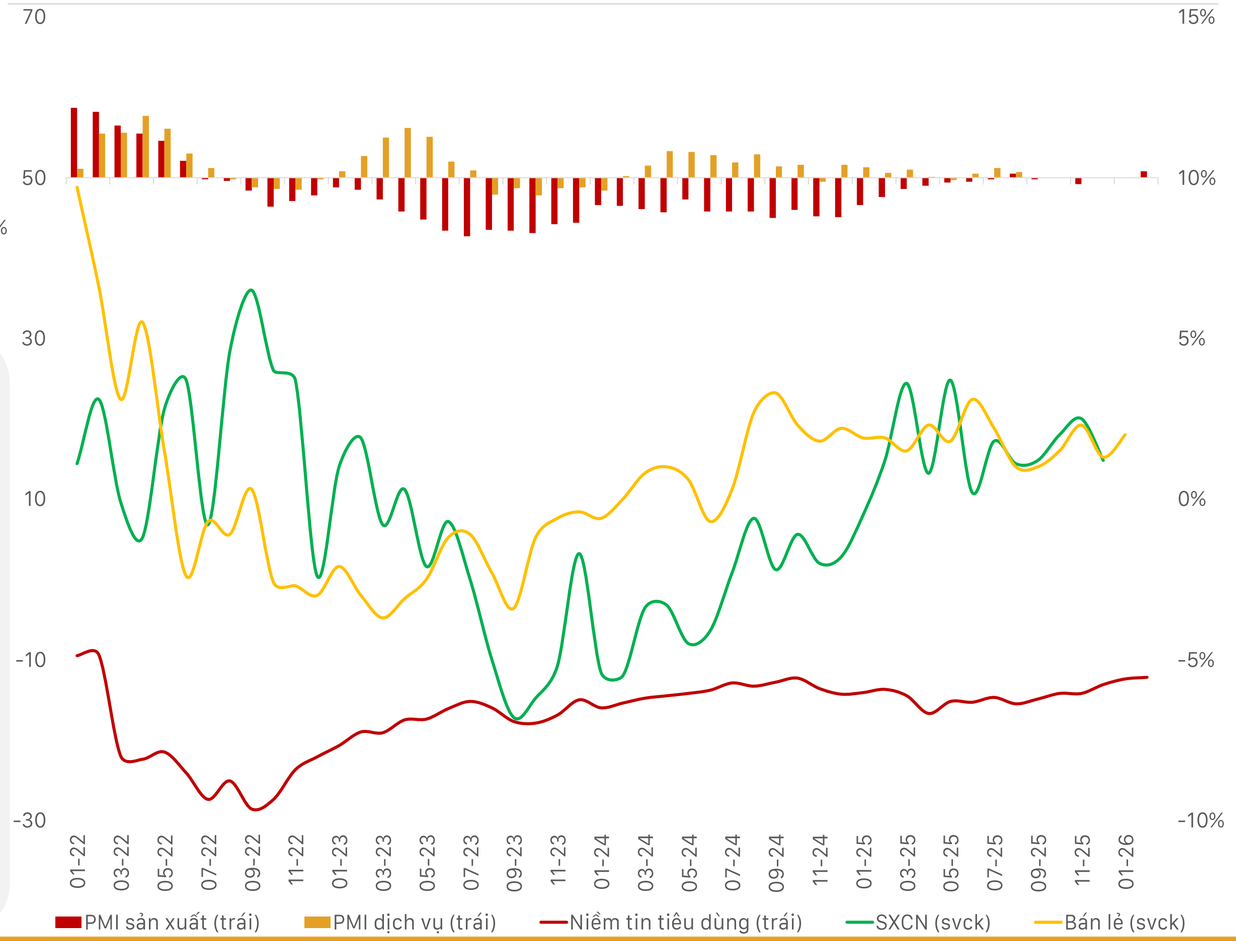

1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định. Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5 % trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2 % hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

Nhật Bản phục hồi nhờ xuất khẩu, lạm phát ổn định và chính sách tiền tệ chuyển pha

Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp.Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5 % mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa

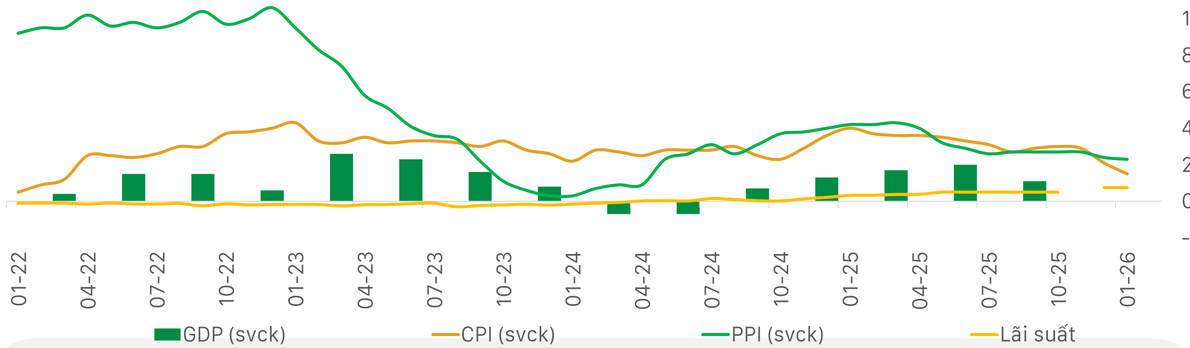

Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính

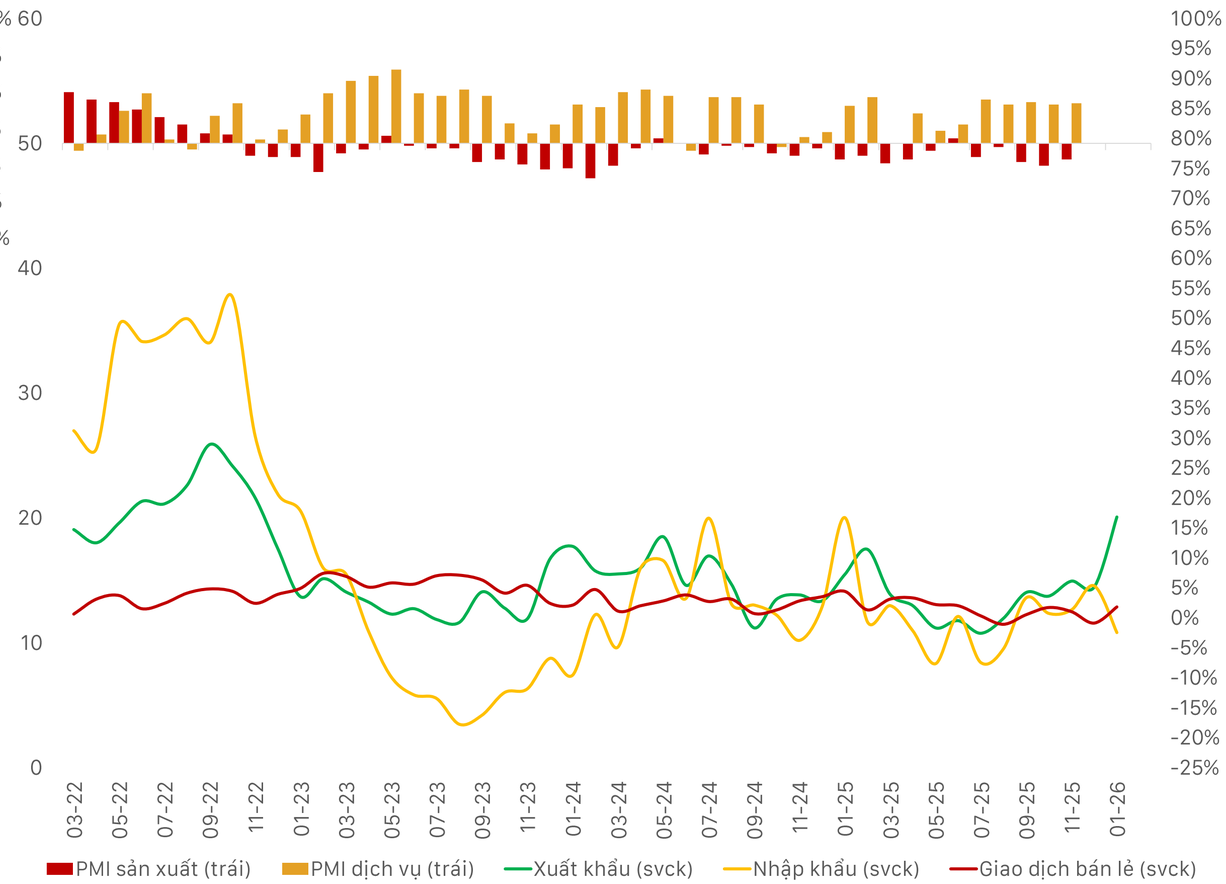

1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2 %, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cầu nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

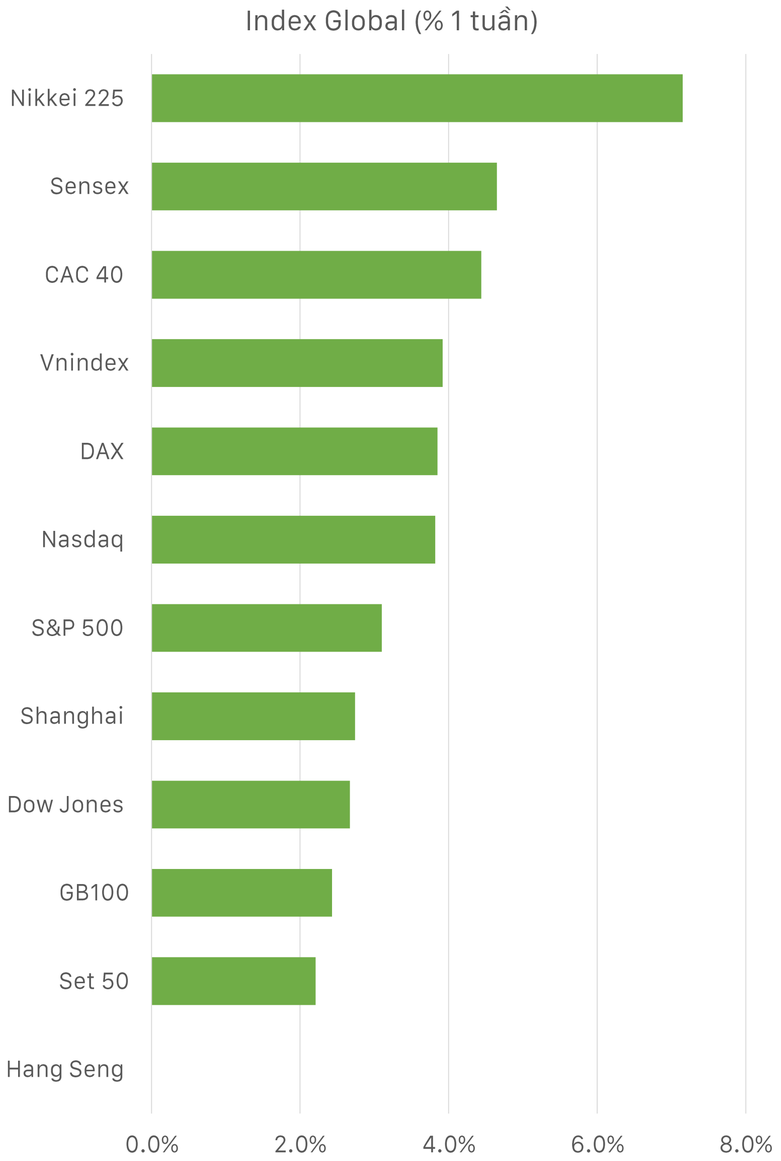

- Trong tuần giao dịch từ 6–10/4, thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận một nhịp hồi phục đáng kể sau giai đoạn biến động mạnh trước đó, dù diễn biến cuối tuần có phần chững lại. Các chỉ số lớn như S&P 500, Dow Jones và Nasdaq đều tăng mạnh trong tuần (khoảng 3–4%), đánh dấu tuần tăng tốt nhất kể từ cuối năm 2025 . Động lực chính đến từ kỳ vọng lạm phát không vượt ngoài kiểm soát và hy vọng hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Tuy nhiên, thị trường vẫn thể hiện sự thận trọng khi kết phiên cuối tuần trong trạng thái phân hóa, với Dow Jones giảm, S&P 500 đi ngang nhẹ trong khi Nasdaq giữ được đà tăng nhờ nhóm công nghệ .
- Yếu tố chi phối lớn nhất thị trường Mỹ tuần qua là diễn biến lạm phát và giá năng lượng. Báo cáo CPI tháng 3 cho thấy mức tăng mạnh nhất trong gần 4 năm, chủ yếu do giá xăng dầu tăng cao bởi xung đột địa chính trị . Điều này khiến lợi suất trái phiếu tăng trở lại và làm dấy lên lo ngại rằng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt lâu hơn. Bên cạnh đó, tâm lý người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp kỷ lục, phản ánh sự bất ổn về triển vọng kinh tế. Dù vậy, dòng tiền vẫn quay lại nhóm cổ phiếu công nghệ và bán dẫn, cho thấy nhà đầu tư vẫn ưu tiên các ngành có tăng trưởng dài hạn.
- Trên bình diện quốc tế, các thị trường chứng khoán toàn cầu nhìn chung diễn biến tích cực hơn so với Mỹ. Châu Âu và nhiều thị trường châu Á ghi nhận mức tăng khá tốt, nhờ kỳ vọng chuỗi cung ứng không bị gián đoạn nghiêm trọng và khả năng kiểm soát xung đột . Đáng chú ý, thị trường Nhật Bản tiếp tục thể hiện sức mạnh với mức tăng vượt trội, phản ánh dòng vốn toàn cầu tìm kiếm cơ hội tại các nền kinh tế hưởng lợi từ chu kỳ công nghệ và cải cách doanh nghiệp. Ngược lại, một số thị trường mới nổi chịu áp lực phân hóa do đồng USD mạnh lên và rủi ro năng lượng, đặc biệt với các quốc gia phụ thuộc nhập khẩu dầu . Nhìn chung, bức tranh toàn cầu đang ở trạng thái phân hóa mạnh, thay vì đồng thuận tăng như giai đoạn trước.

BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI TÀI SẢN

Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	4,751.68	2.2%	-8.3%	10.0%	46.8%
WTI/USD	96.57	-14.1%	10.7%	68.2%	57.0%
Bitcoin	73,120	8.7%	3.7%	-16.4%	-14.3%
Dow Jones	47,917	2.7%	1.1%	-0.3%	19.2%
S&P 500	6,817	3.1%	0.6%	-0.4%	27.1%
Nasdaq	25,116	3.8%	0.6%	-0.5%	34.4%
GP100	10,601	2.4%	2.4%	6.7%	33.1%
DAX	23,804	3.9%	0.7%	-2.8%	16.8%
CAC 40	8,260	4.4%	2.7%	1.4%	16.3%
Euro Stoxx 50	5,926	5.2%	2.3%	2.3%	23.8%
Nikkei 225	56,924	7.2%	3.5%	13.1%	69.5%
Shanghai	3,986	2.7%	-3.6%	0.4%	23.1%
Hang Seng	25,894	0.0%	0.0%	1.0%	23.8%
Vnindex	1,750	3.9%	1.3%	-1.9%	43.2%
VND/USD	26,330	0.0%	0.4%	0.1%	2.3%
DXY	98.65	-1.4%	-0.6%	0.3%	-1.5%

- Về hàng hóa, giá dầu là biến số trung tâm tác động tới toàn bộ thị trường tài chính. Trong tuần qua, dầu WTI giảm mạnh hơn 10%, đánh dấu tuần giảm sâu nhất kể từ năm 2020 khi kỳ vọng nguồn cung được cải thiện . Diễn biến này phần nào giúp hạ nhiệt áp lực lạm phát và hỗ trợ thị trường cổ phiếu. Trong khi đó, giá vàng duy trì xu hướng tăng nhẹ trong tuần, phản ánh vai trò tài sản trú ẩn trong bối cảnh bất ổn địa chính trị và lạm phát chưa hạ nhiệt hoàn toàn.
- Đối với Bitcoin, tuần qua ghi nhận diễn biến tích cực với mức tăng khoảng 8–9%, phục hồi sau giai đoạn điều chỉnh trước đó. Động lực chính đến từ dòng tiền đầu cơ quay trở lại và hoạt động mua vào của các tổ chức lớn, tiêu biểu như việc MicroStrategy nối lại chiến lược tích lũy Bitcoin . Ngoài ra, tâm lý risk-on quay lại thị trường tài chính cũng hỗ trợ nhóm tài sản rủi ro cao như tiền mã hóa.
- Giá vàng trong tuần qua cho thấy mối quan hệ khá rõ với các yếu tố vĩ mô toàn cầu. Khi thị trường chứng khoán biến động và căng thẳng địa chính trị leo thang, dòng tiền có xu hướng tìm đến vàng như một kênh bảo toàn giá trị. Trong khi đó, kỳ vọng Fed có thể nới lỏng chính sách tiền tệ trong thời gian tới cũng góp phần hỗ trợ giá vàng duy trì ở mức cao.
- Nhìn chung, tuần qua phản ánh trạng thái phục hồi nhưng thận trọng của thị trường tài chính toàn cầu. Chứng khoán Mỹ và nhiều thị trường quốc tế đã có nhịp hồi sau giai đoạn biến động mạnh, trong khi Bitcoin cho thấy dấu hiệu ổn định trở lại và vàng tiếp tục giữ vai trò phòng thủ. Trong ngắn hạn, xu hướng của các thị trường này sẽ tiếp tục phụ thuộc vào dữ liệu kinh tế Mỹ, chính sách của Fed và những biến động địa chính trị trên thế giới.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

THANH KHOẢN DUY TRÌ KIỂM SOÁT – DXY VÀ TỶ GIÁ BIẾN ĐỘNG ; NHNN CAN THIỆP LINH HOẠT

NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới.Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND

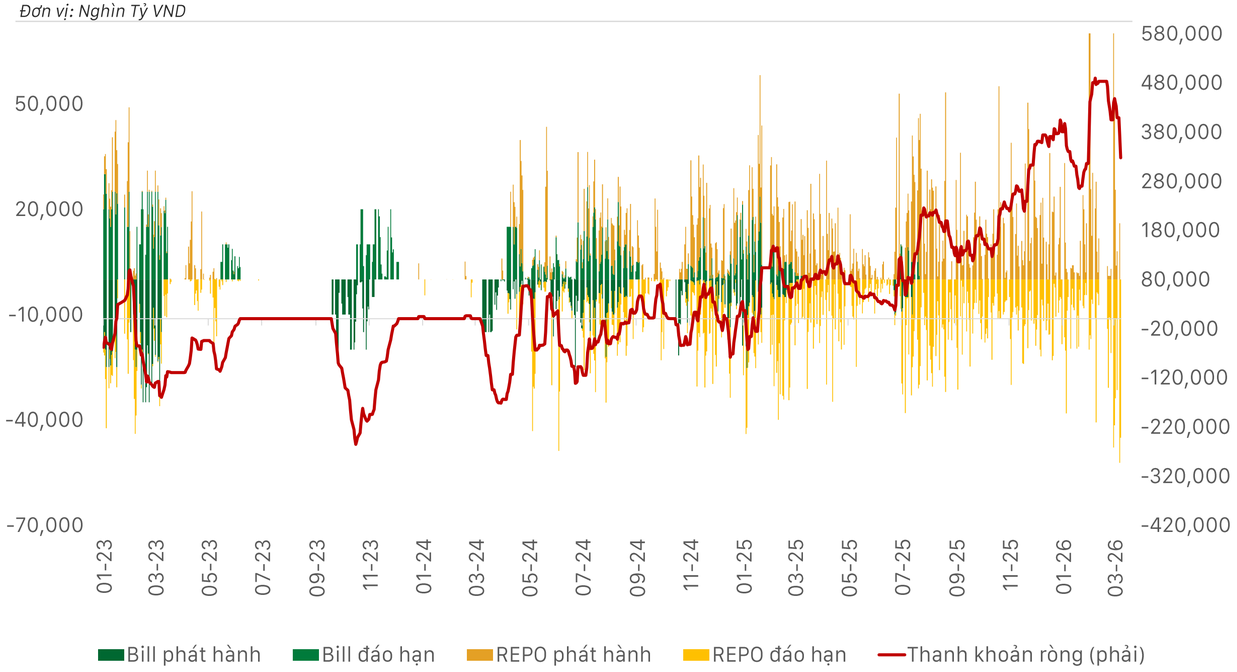

USD/VND giảm bớt áp lực. *Đơn vị: VND/USD*

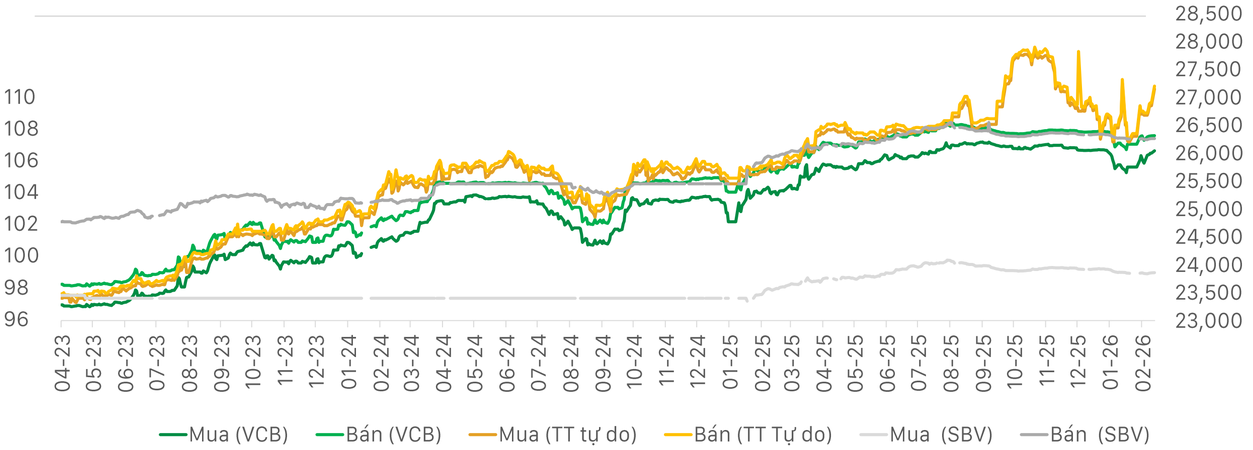

DXY hạ nhiệt từ đỉnh

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

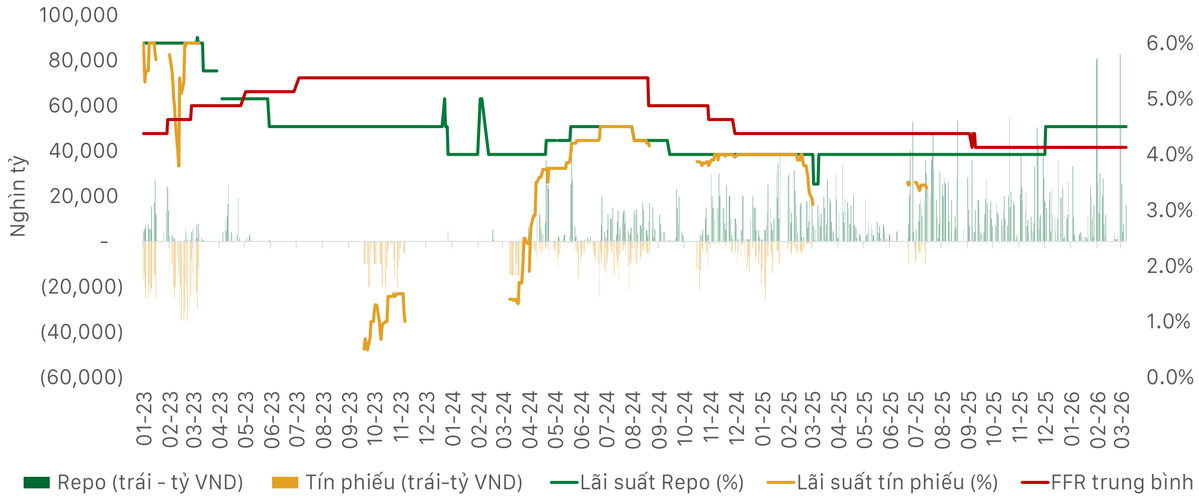

Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát

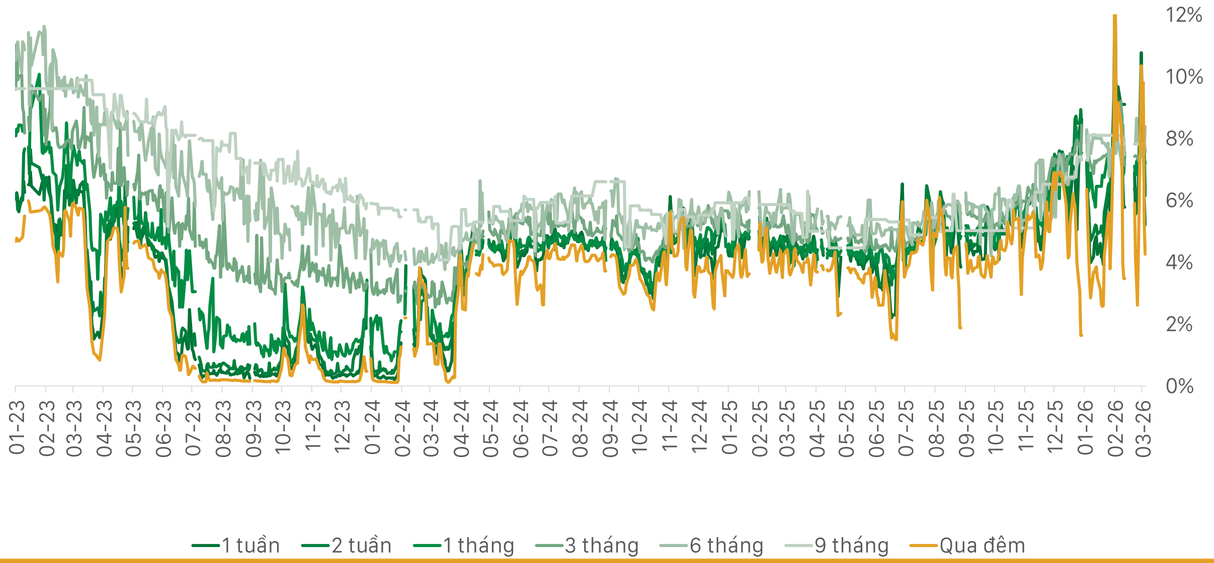

Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.

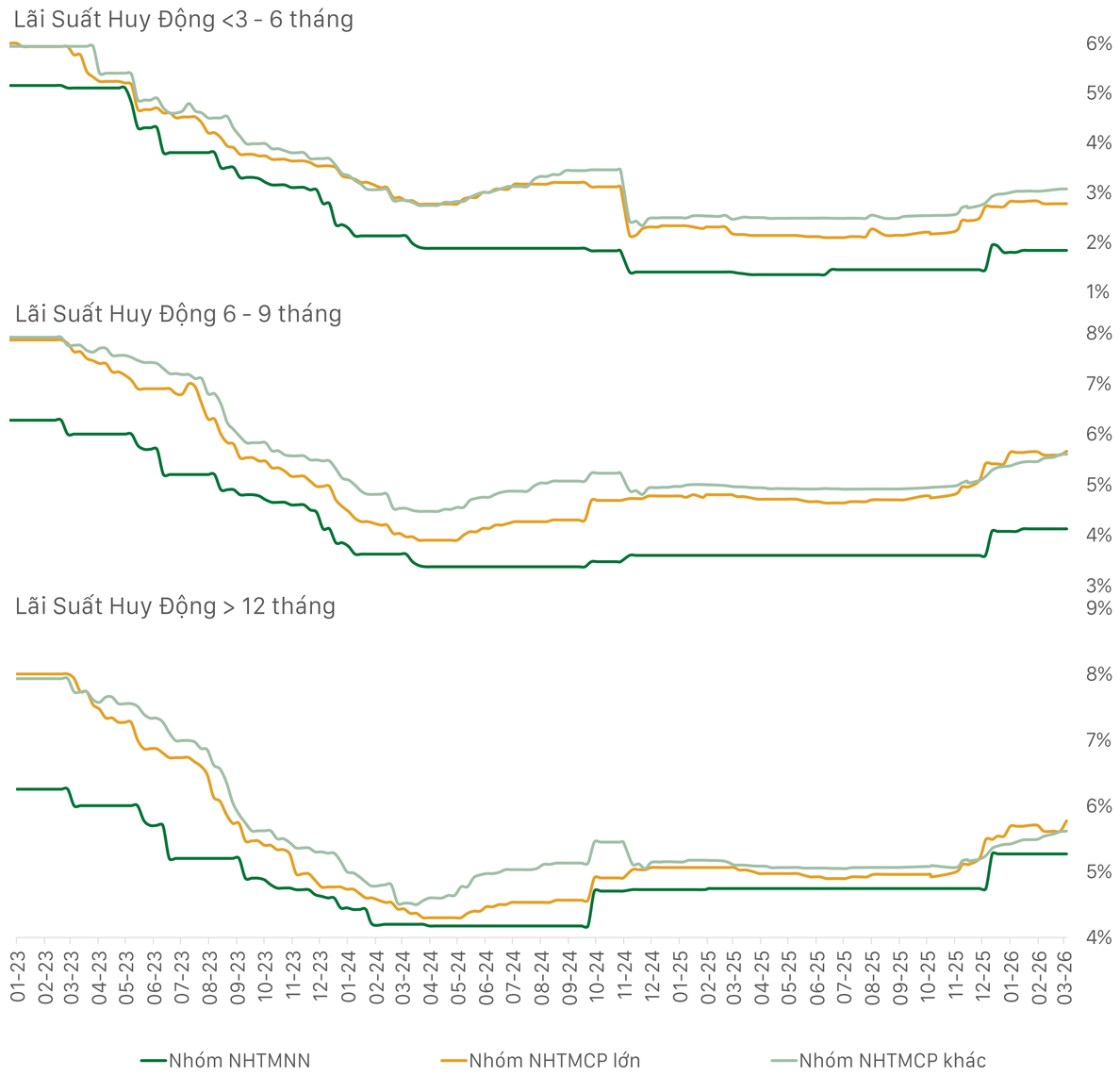

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

VN-Index và thanh khoản

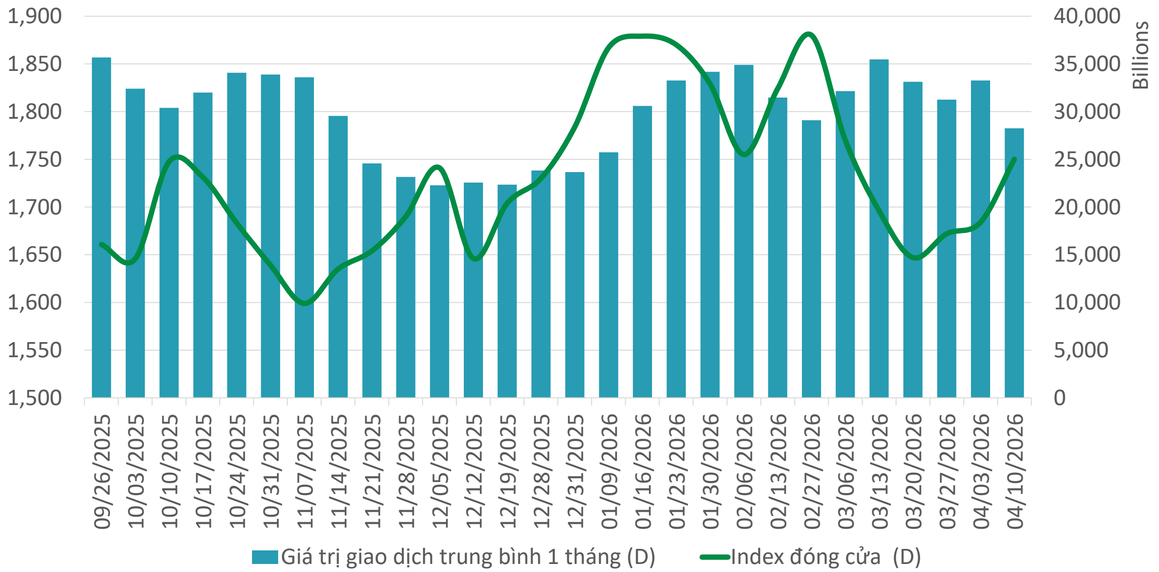

Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần

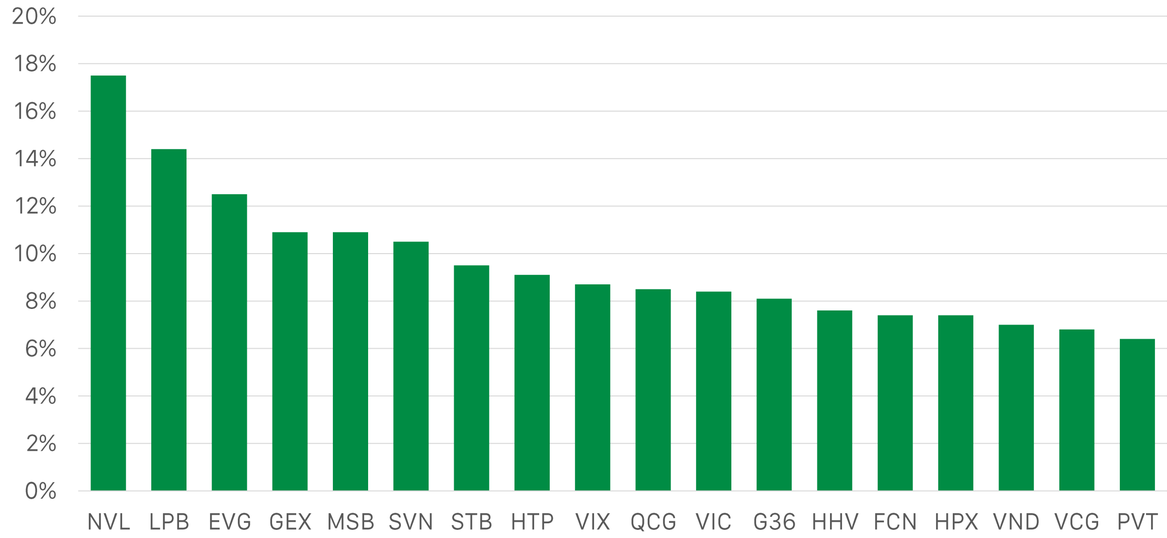

- Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tuần 6–10/4 ghi nhận diễn biến tích cực khi chỉ số VN-Index duy trì đà hồi phục và kết tuần quanh mốc 1.750 điểm, tương ứng mức tăng gần 4% so với tuần trước. VN-Index có 3 phiên tăng và 2 phiên điều chỉnh, phản ánh trạng thái giằng co nhưng xu hướng chung vẫn nghiêng về bên mua. Động lực chính đến từ thông tin hỗ trợ mạnh như lộ trình nâng hạng thị trường theo FTSE Russell, qua đó cải thiện đáng kể tâm lý nhà đầu tư và kích hoạt dòng tiền quay trở lại. Thanh khoản thị trường cũng cải thiện nhẹ, cho thấy mức độ tham gia của dòng tiền đang dần gia tăng, dù chưa thực sự bùng nổ.
- Trong tuần qua, một số cổ phiếu đáng chú ý có mức tăng tốt gồm NVL, LPB, EVG, GEX, MSB hay nhóm chứng khoán và ngân hàng nói chung. Bên cạnh đó, các mã vốn hóa lớn như VIC hay nhóm dầu khí như STB cũng đóng vai trò nâng đỡ chỉ số. Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu riêng lẻ bắt đầu chịu áp lực điều chỉnh sau nhịp tăng nóng, cho thấy rủi ro phân hóa đang gia tăng.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,750.00	13.62	3.0%	-6.9%
Ngân hàng	771.53	9.12	4.2%	-4.8%
Dịch vụ tài chính	977.88	14.01	4.4%	-6.3%
Bất động sản	1,000.37	18.02	3.1%	-11.3%
Hóa chất	304.08	16.15	0.4%	-9.5%
Tài nguyên Cơ bản	515.97	16.76	1.1%	-6.1%
Ô tô và phụ tùng	368.23	7.27	-1.5%	-0.6%
Bán lẻ	1,582.13	17.29	0.8%	-9.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	178.65	10.47	1.1%	-5.0%
Viễn thông	1,227.39	26.45	1.7%	-9.4%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,897.33	13.34	-0.6%	-12.2%
Dầu khí	139.17	20.95	0.8%	-11.4%
Thực phẩm và đồ uống	629.50	16.94	-0.9%	-17.4%
Xây dựng và Vật liệu	351.84	9.30	0.2%	-4.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	283.22	13.98	1.3%	-14.2%
Y tế	1,052.81	17.21	-2.6%	-5.1%
Công nghệ Thông tin	649.97	13.73	1.1%	-15.1%
Truyền thông	589.01	39.02	0.0%	-7.8%
Bảo hiểm	460.60	17.65	-4.5%	-2.9%
Du lịch và Giải trí	41.46	25.02	-1.9%	-7.9%

- Bức tranh các nhóm ngành cho thấy sự phục hồi mang tính lan tỏa nhưng không đồng đều, phản ánh rõ đặc trưng của giai đoạn hồi phục sớm. VN-Index tăng gần 4% và thanh khoản cải thiện nhẹ, nhưng dòng tiền chủ yếu luân chuyển giữa các nhóm thay vì tập trung mạnh vào một xu hướng dẫn dắt rõ ràng .
- Nhóm ngân hàng và dịch vụ tài chính là động lực quan trọng khi ghi nhận mức tăng lần lượt khoảng 4–4,4% trong tuần. Đây tiếp tục là trụ cột giữ nhịp thị trường, đặc biệt trong các phiên tăng mạnh giữa tuần. Bên cạnh đó, bất động sản (+3,1%) cũng quay lại vai trò dẫn dắt ngắn hạn nhờ dòng tiền đầu cơ và kỳ vọng chính sách, trong khi hóa chất và một số nhóm nguyên vật liệu duy trì đà tăng nhẹ, cho thấy sự cải thiện về kỳ vọng chu kỳ ngành.
- Ở chiều tích cực khác, các nhóm như công nghệ thông tin, hàng cá nhân, viễn thông tăng nhẹ 1–1,7%, thể hiện dòng tiền đang có xu hướng tìm kiếm cơ hội ở các nhóm chưa tăng nhiều. Đáng chú ý, dầu khí và năng lượng có sự phân hóa: có những phiên tăng mạnh nhờ giá hàng hóa hỗ trợ, nhưng tính chung tuần vẫn chưa thực sự bứt phá do áp lực chốt lời.
- Ngược lại, áp lực điều chỉnh tập trung ở một số nhóm mang tính phòng thủ hoặc đã tăng trước đó. Bảo hiểm (-4,5%), y tế (-2,6%), bán lẻ và tiêu dùng suy yếu nhẹ, trong khi nhóm điện, nước và năng lượng tiện ích giảm do thiếu động lực dòng tiền. Đặc biệt, mức giảm mạnh theo tháng ở nhiều ngành (như thực phẩm, dầu khí, công nghiệp) cho thấy xu hướng trung hạn vẫn còn phân hóa và chưa thực sự ổn định.

ĐỊNH GIÁ PE THỊ TRƯỜNG

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022

Diễn biến Vnindex qua các tháng 03,04 từ 2014

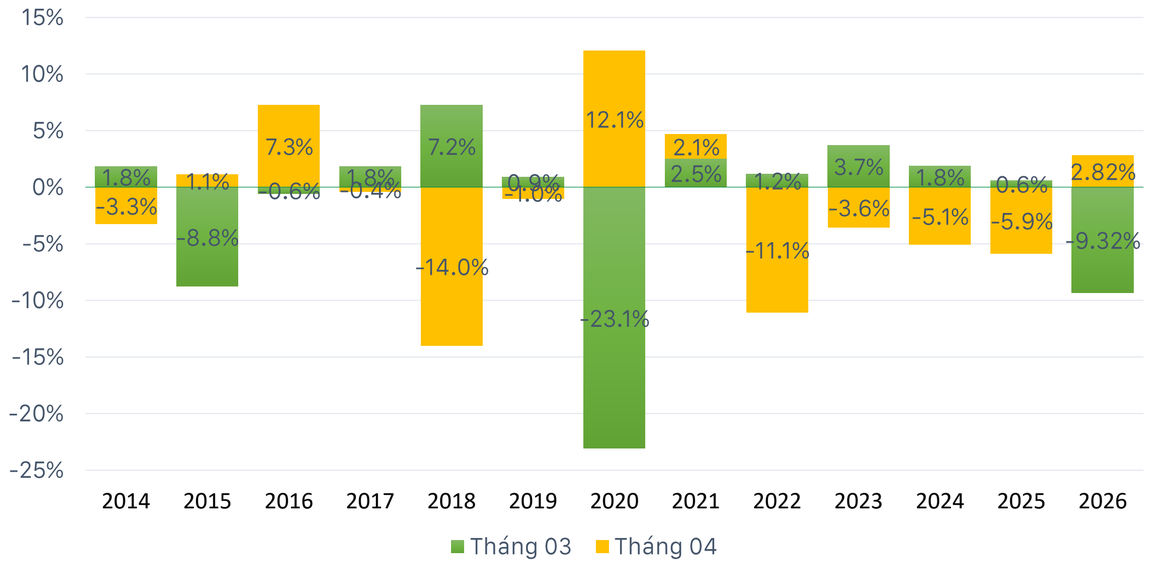

- Thị trường trong tháng 4 có sự biến động liên tục vì vậy chỉ số PE thị trường cũng dao động mạnh và chạm mốc 14 sau đợt phục hồi tuần qua. Mức P/E hiện tại tương đương giai đoạn tháng 3–5/2025, qua đó có thể xem là vùng định giá tương đối hấp dẫn trong trung hạn. Đáng chú ý, một số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là nhóm ngân hàng, đang giao dịch ở mức P/E dưới 10 lần, trong đó có nhiều cổ phiếu bluechip đầu ngành.
- Tính đến thời điểm hiện tại, VN-Index đã tăng gần 3% trong tháng 4, mức tăng có thể nói là khả quan nhất trong bối cảnh tháng 4 các năm thường ở giai đoạn thấp điểm và điều chỉnh sâu. Trong 4 năm gần nhất thị trường thường điều chỉnh giảm đến -5% trong tháng 4. Tuy nhiên năm nay Vnindex điều chỉnh sớm hơn từ tháng 3 vì vậy tháng 4 giảm bớt áp lực. Trong bối cảnh các biến số vĩ mô và địa chính trị vẫn còn nhiều bất định, thị trường nhiều khả năng tiếp tục đối mặt với áp lực và dao động mạnh trong ngắn hạn, trước khi có thể hình thành trạng thái cân bằng rõ ràng hơn.

DÒNG TIỀN PHÂN BỔ TOÀN CẦU

Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)

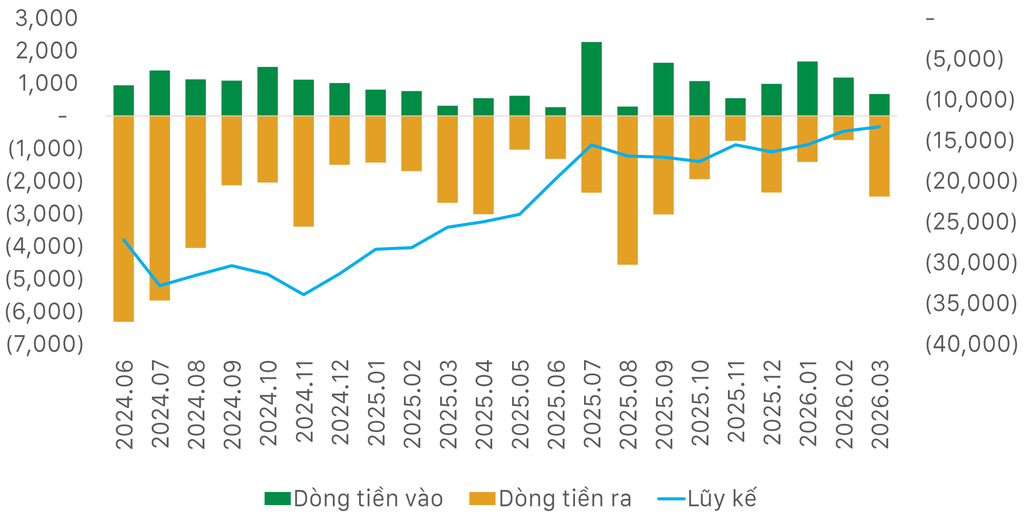

Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)

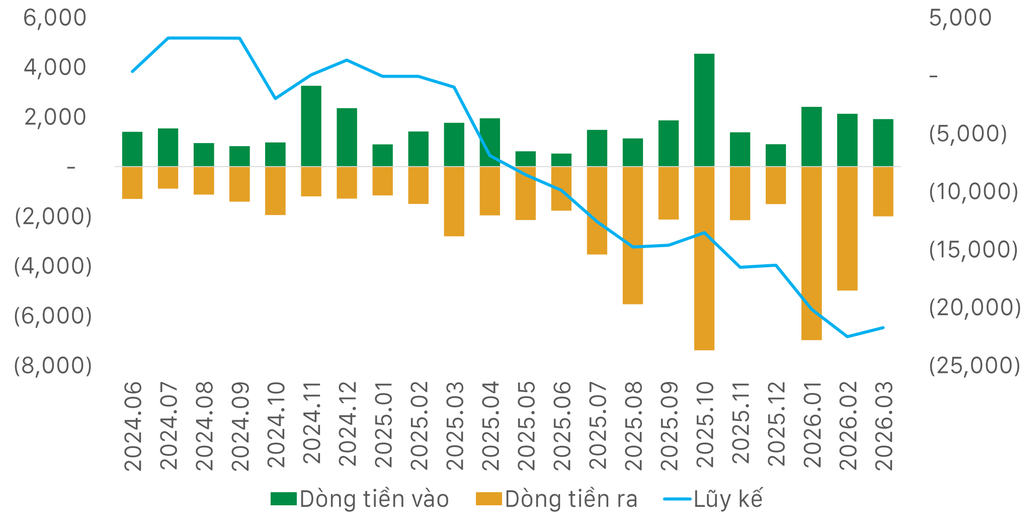

Dòng vốn quỹ toàn cầu: tín hiệu cải thiện

- Nhờ sự hạ nhiệt tình hình Trung Đông trong tuần qua, nhiều nhóm quỹ đã chuyển từ trạng thái rút vốn sang hút vốn trong ngày cuối kỳ, bao gồm quỹ cổ phiếu Mỹ, trái phiếu đô thị, quỹ thị trường tiền tệ Mỹ, quỹ lợi nhuận tuyệt đối, cổ phiếu thị trường mới nổi toàn cầu (GEM), trái phiếu Mỹ và cổ phiếu Mỹ Latinh. Một số nhóm trong số này cũng nằm trong danh sách các quỹ thu hút dòng tiền mạnh kể từ khi căng thẳng Iran leo thang vào cuối tháng 2.
- Ở góc độ phân bổ tài sản, nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao tiếp tục gia tăng vị thế ở các tài sản tăng trưởng. Các quỹ cổ phiếu đòn bẩy thu hút hơn 4 tỷ USD trong tuần, trong khi các quỹ công nghệ nhận thêm gần 2 tỷ USD dòng vốn mới. Trong khi đó, các nhà đầu tư thận trọng tiếp tục tăng phân bổ vào các quỹ trái phiếu chống lạm phát và quỹ phòng vệ, đồng thời giảm tỷ trọng ở tiền điện tử, cổ phiếu tài chính và trái phiếu lợi suất cao, trong khi quay lại các quỹ vàng vật chất.
- Tính chung tuần cuối của quý I, các quỹ cổ phiếu toàn cầu ghi nhận dòng vốn vào khoảng 11,5 tỷ USD. Các quỹ thay thế hút thêm khoảng 1,6 tỷ USD, trong khi quỹ trái phiếu ghi nhận khoảng 3,3 tỷ USD dòng vốn vào. Ngược lại, các quỹ thị trường tiền tệ và quỹ cân bằng lần lượt bị rút ròng 1,9 tỷ USD và 2,1 tỷ USD. Ở cấp độ từng quốc gia, quỹ cổ phiếu Việt Nam ghi nhận mức rút vốn cao nhất trong 10 tuần, quỹ thị trường tiền tệ Thổ Nhĩ Kỳ kéo dài chuỗi rút vốn lên tuần thứ năm, trong khi quỹ cổ phiếu Pháp tiếp tục ghi nhận chuỗi hút vốn dài nhất kể từ quý III/2024.

CHUYỂN ĐỘNG DÒNG TIỀN Ở CÁC NGÀNH – KÊNH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Top CP các quỹ VN nắm giữ

CP	2026.02	Đầu năm	Tăng giảm	Giá trị (tỷ VND)
MWG	170,605,234	198,471,546	-14.0%	15,883
MBB	406,285,475	387,526,428	4.8%	11,579
VIC	59,263,636	93,120,380	-36.4%	10,193
HPG	325,429,612	439,037,677	-25.9%	9,372
STB	133,662,410	132,536,913	0.8%	8,755
VHM	78,549,070	105,575,334	-25.6%	8,483
FPT	87,781,702	138,865,511	-36.8%	8,155
CTG	187,335,768	249,015,752	-24.8%	7,166
TCB	183,373,891	204,450,958	-10.3%	6,647
VCB	94,175,697	76,231,397	23.5%	6,112
VPB	182,879,754	237,645,365	-23.0%	5,294
PNJ	40,762,351	35,406,534	15.1%	4,969
ACB	186,599,244	214,690,048	-13.1%	4,573
GMD	50,669,775	28,001,851	81.0%	4,277
KDH	127,872,140	194,643,253	-34.3%	3,485
MSN	39,595,815	62,127,034	-36.3%	3,128
SSI	87,503,246	98,954,645	-11.6%	2,835
VNM	38,367,596	37,523,298	2.3%	2,617
ACV	22,532,586	30,617,774	-26.4%	1,201
TPB	34,226,399	33,076,088	3.5%	630
DGC	8,037,187	8,648,213	-7.1%	593

Dòng vốn theo ngành và thị trường trái phiếu

- Ở cấp độ ngành, các nhóm mang tính chu kỳ ghi nhận dòng vốn vào khoảng 3,5 tỷ USD trong tuần cuối quý I, nhờ dòng tiền mạnh vào công nghệ và năng lượng. Trong khi đó, nhóm tài chính bị rút khoảng 1,8 tỷ USD. Một số nhóm ngành như năng lượng, vật liệu và công nghiệp đang hướng tới mức hút vốn kỷ lục trong quý.
- Các quỹ nông nghiệp cũng thu hút sự quan tâm khi tổng tài sản tăng lên gần 7 tỷ USD, phản ánh nhu cầu đầu tư vào các sản phẩm liên quan đến nông sản như đậu tương, ngô và lúa mì. Trong khi đó, các quỹ vàng vật chất có diễn biến khá biến động khi dòng vốn mạnh trong tháng 1 đã đảo chiều trong tháng 3, dù tuần cuối quý I đã ghi nhận tín hiệu phục hồi nhẹ.
- Đối với thị trường trái phiếu, dòng vốn vào các quỹ trái phiếu toàn cầu đang có dấu hiệu chậm lại sau chuỗi dài hút vốn mạnh trước đó. Những lo ngại về nợ công toàn cầu, rủi ro từ tín dụng tư nhân và mức vay nợ gia tăng của các tập đoàn công nghệ đang được đặt trong bối cảnh cú sốc năng lượng do căng thẳng địa chính trị.
- Trong tuần kết thúc ngày 1/4, nhà đầu tư tiếp tục giảm tỷ trọng ở trái phiếu lợi suất cao và trái phiếu châu Âu. Tuy nhiên, các quỹ trái phiếu Mỹ bất ngờ thu hút gần 8 tỷ USD trong ngày đầu tháng 4 khi kỳ vọng ngắn hạn về việc hạ nhiệt xung đột xuất hiện. Các quỹ trái phiếu chống lạm phát tiếp tục ghi nhận tuần hút vốn thứ tám liên tiếp, trong khi các quỹ CLO và trái phiếu đô thị cũng ghi nhận dòng vốn vào.

KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN

Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)

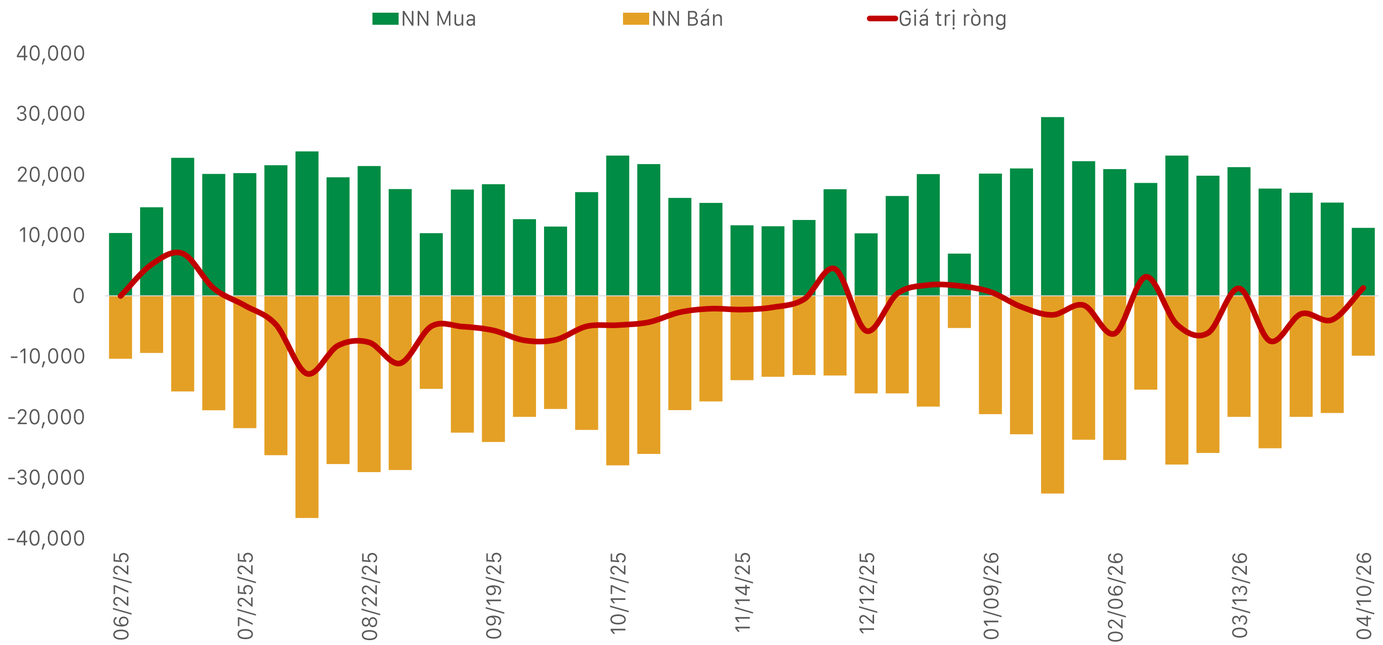

Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

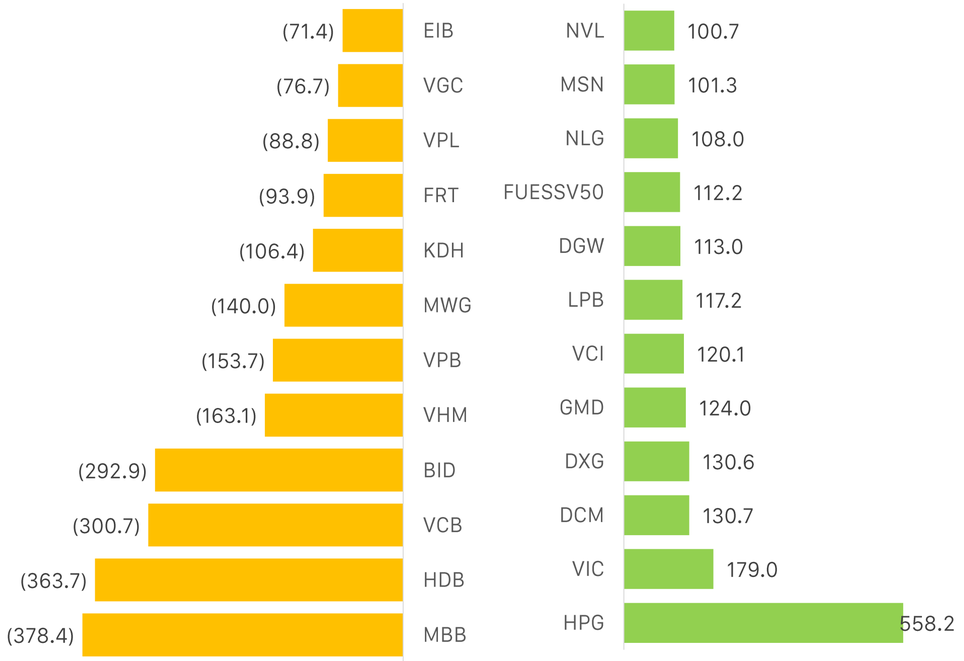

- Trong tuần qua khối ngoại mua vào hơn 11 ngàn tỷ đồng, giảm -27% so với tuần trước và bán ra gần 9900 tỷ đồng, giảm đến -48%. Tính chung cả tuần khối ngoại mua ròng khoảng 1200 tỷ đồng. Đây là tuần mua ròng nhẹ trở lại sau chuỗi bán ròng liên tục 3 tuần trước đó.
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là nhóm cổ phiếu ngân hàng với 4 đại diện lớn là MBB (378 tỷ), HDB (363 tỷ), VCB (300 tỷ) và BID (292 tỷ). Ngoài ra một số blue chip khác như VHM, MWG, FRT, VPL bán ra ở mức vừa phải từ 100 – 200 tỷ đồng.
- Phía mua ròng nổi bật có HPg mua ròng hơn 550 tỷ đồng. VIC đứng thứ hai với 179 tỷ. Các nhóm cổ phiếu mua ròng nhiều trải đều ở BDS, chứng khoán, phân bón như DCM, DXG, GMD, VCI, LPB.

TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH

Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)

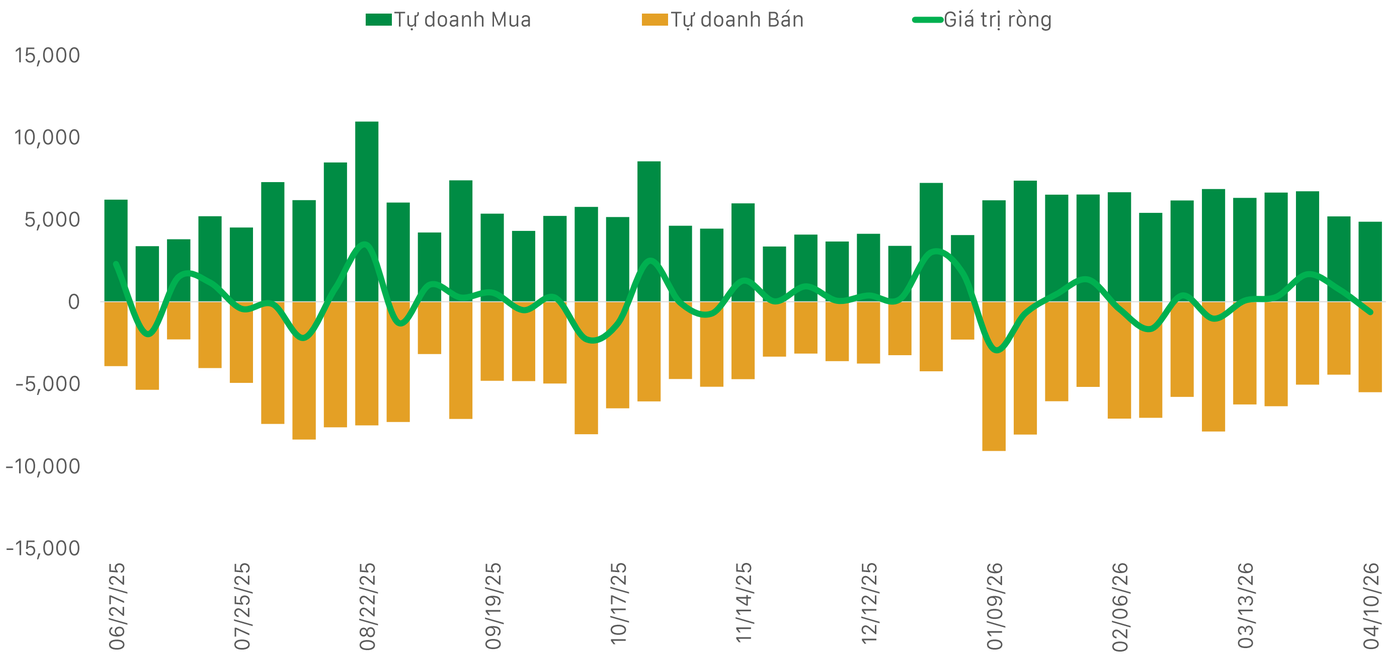

Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

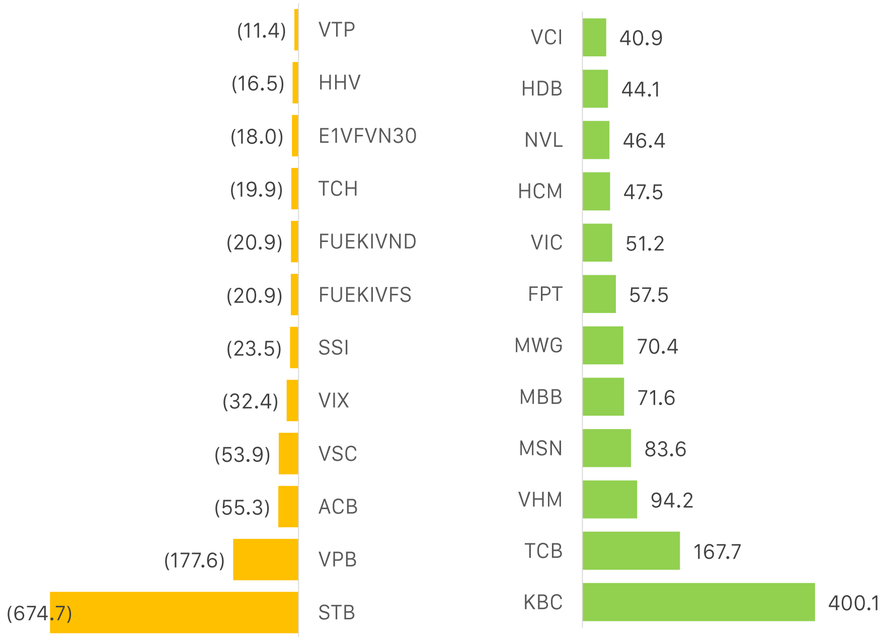

- Tự doanh mua vào khoảng 4900 tỷ đồng và bán ra 5500 tỷ đồng, tăng nhẹ so với giao dịch tuần trước đó. Giá trị bán ròng trong tuần khoảng gần 700 tỷ đồng
- KBC là cổ phiếu mua ròng nổi bật nhất với hơn 400 tỷ đồng. TCB, VHM là hai cổ phiếu mua ròng nhiều thứ hai với tổng cộng gần 300 tỷ đồng. Một số cổ phiếu mua ròng đáng chú ý có MSN, MBB, MWG, FPT, VIC.
- STB bán ròng nhiều nhất với khoảng 674 tỷ đồng. Một số cổ phiếu ngân hàng bán ròng nhiều có VPB, ACB và nhóm chứng khoán VIX, SSI.
- Nhìn về xu hướng khối tự doanh vẫn đang trong thế phòng thủ và tận dụng các nhịp hồi thị trường bán ra nhiều hơn.

XU HƯỚNG PHÂN BỐ DÒNG TIỀN TRONG TUẦN

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	22.8%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Dịch vụ tài chính	17.5%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Bất động sản	12.1%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Hóa chất	2.6%	DPM, DCM, GVR	
Tài nguyên Cơ bản	5.2%	HPG, HSG, NKG	
Ô tô và phụ tùng	4.3%	HHS, HUT	
Bán lẻ	6.1%	MWG, DGW, PET	
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.6%	TCM, TNG, PNJ	
Viễn thông	5.3%	VGI, FOX, VGI	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.2%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	2.5%	PVD, PVS	
Thực phẩm và đồ uống	4.8%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	0.8%	CII, HHV, VCG	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.3%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Y tế	1.6%	DCL, DBD	
Công nghệ Thông tin	0.4%	FPT, CMG, CTR	
Truyền thông	0.1%	YEG	
Bảo hiểm	0.2%	BVH	
Du lịch và Giải trí	0.1%	HVN	

- Dòng tiền giao dịch nhóm ngân hàng và chứng khoán gia tăng đáng kể trong tuần qua và chiếm tỷ trọng gần 40% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm HPG, NVL, TCB, MBB
- Thanh khoản chung thị trường có sự suy giảm nhẹ so với tuần trước do phần lớn nhà đầu tư giữ vị thế thận trọng và cân bằng margin. Ngoài ra dòng tiền chỉ tập trung vào một số nhóm ngành nhất định thay vì lan tỏa đều.

Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư

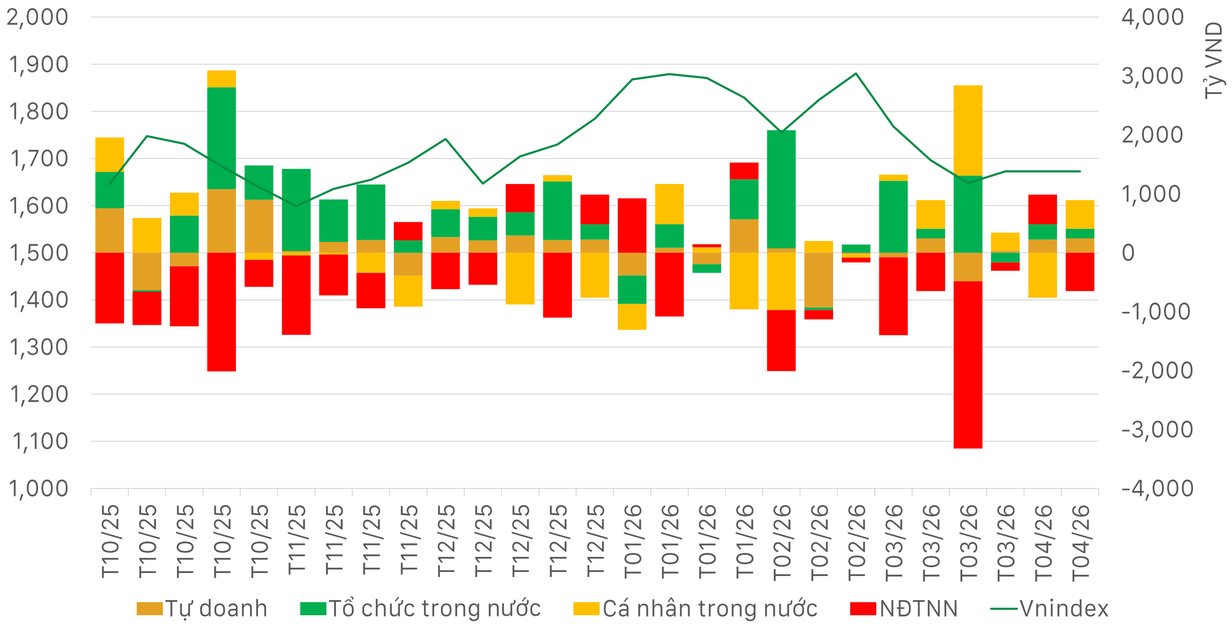

CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT

CHIẾN LƯỢC CHO TUẦN MỚI

Mức độ hung phấn thị trường

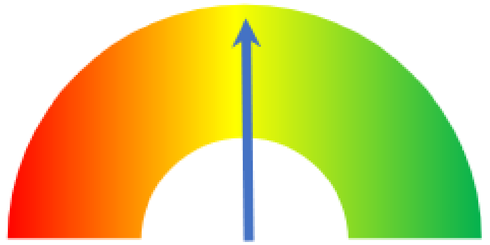

RSI	56.02
MACD	-4.71
MFI	63.05
MA20	1683
MA50	1751
MA200	1674

- Thị trường bước vào tuần tới trong trạng thái duy trì xu hướng hồi phục nhưng đối mặt áp lực rung lắc gia tăng, khi VN-Index đã tiến sát vùng kháng cự mạnh quanh 1.760–1.780 điểm. Dòng tiền nội vẫn đóng vai trò chủ đạo, trong khi khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng khiến đà tăng thiếu sự đồng thuận mạnh. Trong bối cảnh thị trường đang tích lũy trong biên độ hẹp với các yếu tố địa chính trị còn khó lường đặc biệt là cuộc đàm phán giữa Mỹ và Iran thất bại vào cuối qua sẽ gây nên áp lực ngắn hạn với nhà đầu tư. Thị trường có thể phản ứng tiêu cực trong những phiên đầu tuần đặc biệt trong bối cảnh Vnindex đang gặp áp lực chốt lời ngắn hạn. Sự thận trọng ở đây là cần thiết để hấp thụ hết các áp lực chốt lời và những phản ứng tâm lý từ tin tức quốc tế. Nói cách khác, giai đoạn này thiên về tích lũy sức mạnh hơn là bứt phá ngay lập tức.
- Xét theo nhóm ngành, ngân hàng và chứng khoán tiếp tục là trụ đỡ chính nhờ kỳ vọng kết quả kinh doanh quý I tích cực và vai trò dẫn dắt dòng tiền. Bất động sản có thể duy trì sự sôi động ngắn hạn, nhưng mức độ phân hóa sẽ cao, ưu tiên các cổ phiếu có câu chuyện riêng.

XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU

- Nhóm ngân hàng nhiều CP đang tích lũy nền giá sâu: Nhóm CP tốt ưu tiên MBB, TCB, ACB, BID, VPB
- Nhóm chứng khoán Nhiều CP đã chạm hỗ trợ mạnh. Nhóm ưu tiên: TCX, VIX, SSI, MBS, VPX
- Nhóm BĐS đang trong quá trình hồi phục khá tuy nhiên xu hướng tăng có thể phân hóa. Nhóm ưu tiên: NVL, HDG, NLG, VHM
- Nhóm bán lẻ Đang tích lũy dần trở lại MWG (80), DGW (45)
- Nhóm dầu khí đang trong giai đoạn tích lũy sau nhịp điều chỉnh, chờ tín hiệu hồi phục. Ưu tiên nhóm cổ phuếu BSR, PVS.

- Nhóm Gelex Nhóm đang hồi phục. GEE tăng tốt nhất. GEX hỗ trợ quanh 30, VIX – 18
- Nhóm VINGROUP Đã chậm đà giảm, đang tích lũy đi ngang. VIC hỗ trợ mạnh 140, VHM – 110.
- Nhóm FPT khá yếu, có dấu hiệu bị bán mạnh trở lại
- Nhóm Viettel tích lũy đi ngang và chờ dòng tiền. VGI giữ giá tốt nhưng tăng chậm. VTP đang điều chỉnh ngắn hạn
- Nhóm MASAN đang đi ngang, MSN có giá tăng trưởng tốt nhất

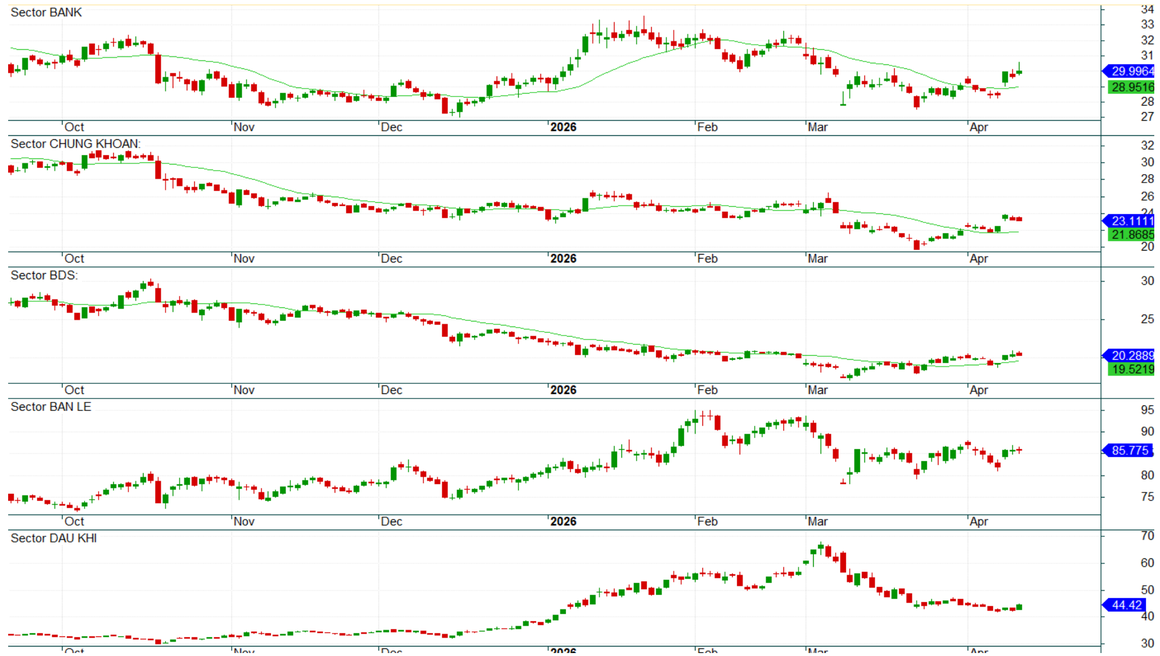

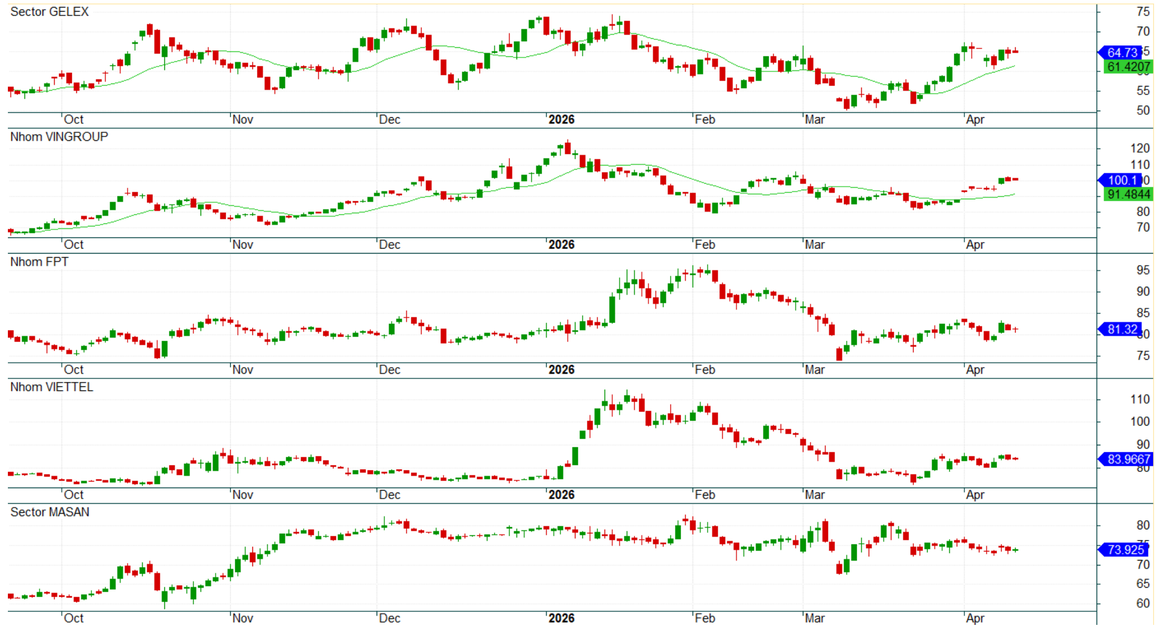

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ TUẦN

Thị trường có thể xuất hiện vài nhịp rung lắc trong tuần này nhưng mức độ ở mức vừa phải. Đây có thể xem là cơ hội để nhà đầu tư có nhiều sự lựa chọn hơn để tích lũy cổ phiếu mục tiêu ở mức giá tốt. Các nhóm ngành Ngân hàng, chứng khoán, bất động sản vẫn ưu tiên nhất bên cạnh nhóm Phân bón, bán lẻ, khu công nghiệp

Cổ phiếu quan tâm: VIC, VHM, HAG, MWG, BID, MBB, TCB, SSI, VIX, TCX, NVL

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

❑ Ngân hàng: MBB, BID

❑ Bán lẻ, thực phẩm: MWG,HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	HAG	20,000	30%	1,700	9.4	▪ Năm 2025, HAGL ghi nhận doanh thu 7.440 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.243 tỷ đồng – mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp hoạt động. Kết quả này cũng giúp công ty xóa lỗ lũy kế và đưa tổng tài sản vượt mốc 1 tỷ USD. ▪ Vừa qua Hoàng Anh Gia Lai đã tổ chức hội thảo với chủ đề "HAGL và chiến lược phát triển bền vững 20.000ha cà phê đến năm 2028". ▪ Theo kế hoạch, doanh nghiệp đặt mục tiêu phát triển vùng trồng cà phê quy mô khoảng 20.000ha, từ đó xây dựng chuỗi giá trị khép kín bao gồm sản xuất nguyên liệu, chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm. Tổng doanh thu tiềm năng ước đạt khoảng 713 triệu USD mỗi năm, tương đương gần 18.600 tỷ đồng. Nếu triển khai toàn diện, HAGL có thể trở thành một trong những doanh nghiệp sở hữu vùng trồng cà phê trực tiếp lớn nhất thế giới.
2	MWG	110,000	25%	4,800	18.5	▪ MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. ▪ BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. ▪ MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. ▪ MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
3	MBB	33,000	25%	3,320	8.2	▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB) đạt lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Riêng quý IV, lợi nhuận tăng mạnh 37,5%, đạt 11.129 tỷ đồng. ▪ Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò trụ cột khi tăng 30,6%, đạt 14.555 tỷ đồng. Mảng dịch vụ cũng tăng trưởng ấn tượng, mang về 2.101 tỷ đồng lãi thuần, tăng 78% so với cùng kỳ. ▪ Bên cạnh đó, lãi thuần từ hoạt động khác tăng 31%, đạt 1.574 tỷ đồng, trong khi thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần ghi nhận mức tăng đột biến 502%, đóng góp 135 tỷ đồng.

LỊCH SỰ KIỆN

LỊCH SỰ KIỆN QUỐC TẾ

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
IMF & World Bank Spring Meetings bắt đầu tại Mỹ (13-18/4): Các bộ trưởng tài chính, thống đốc ngân hàng trung ương toàn cầu thảo luận kinh tế, chính sách.	Việt Nhật Bản: Sản lượng công nghiệp cuối cùng & đơn hàng máy móc tháng 2: Tín hiệu phục hồi sản xuất. Ảnh hưởng: Ảnh hưởng JPY và chỉ số Nikkei.	Trung Quốc: GDP Q1, sản xuất công nghiệp, bán lẻ & đầu tư tài sản cố định tháng 3: Bộ dữ liệu tăng trưởng lớn nhất quý. Ảnh hưởng: Ảnh hưởng mạnh CNY, hàng hóa toàn cầu và tâm lý rủi ro châu Á	Châu Âu: GDP Anh tháng 2 & lạm phát EA cuối cùng: Chỉ số kinh tế khu vực. Ảnh hưởng: Tác động EUR và chính sách ECB	Việt Nam: Chủ tịch Tô Lâm thăm chính thức Trung Quốc (14-17/4): Chuyến thăm cấp cao đầu tiên sau khi nhậm chức. Ảnh hưởng: Củng cố quan hệ thương mại VN-TQ, tích cực cho VN-Index, VNĐ và đầu tư.
Mỹ - Mỹ: Doanh số nhà cũ tháng 3 (10h ET): Chỉ số phản ánh sức khỏe thị trường bất động sản. Ảnh hưởng: Ảnh hưởng kỳ vọng lãi suất Fed, USD và cổ phiếu ngân hàng	Mỹ: PPI (giá sản xuất) tháng 3 (8h30 ET): Dữ liệu lạm phát quan trọng. Ảnh hưởng: Ảnh hưởng mạnh kỳ vọng cắt giảm lãi suất Fed, USD và thị trường trái phiếu.	Mỹ: Empire State Manufacturing & Beige Book Fed: Khảo sát sản xuất khu vực và báo cáo tình hình kinh tế. Ảnh hưởng: Tín hiệu Fed, ảnh hưởng USD và cổ phiếu Mỹ.	Mỹ: Initial Jobless Claims & sản lượng công nghiệp tháng 3 (8h30 ET): Dữ liệu lao động và sản xuất. Ảnh hưởng: Ảnh hưởng kỳ vọng lãi suất Fed và USD	Mỹ - Mỹ: Phát biểu Fed (Daly, Barkin, Waller): Các quan chức Fed phát biểu. Ảnh hưởng: Gây biến động USD và thị trường lãi suất

LỊCH SỰ KIỆN TUẦN

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SSC	HOSE	19/05/2026	20/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	HSG	HOSE	4/5/2026	5/5/2026		Trả cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	HMH	HNX	28/04/2026	29/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	WSB	UPCoM	23/04/2026	24/04/2026	22/05/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TBC	HOSE	22/04/2026	23/04/2026	8/5/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CDC	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
7	SBT	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	CTD	HOSE	17/04/2026	20/04/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Thưởng cổ phiếu
9	BWA	UPCoM	16/04/2026	17/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	QNS	UPCoM	16/04/2026	17/04/2026	28/04/2026	Trả cổ tức đợt 3/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BNW	UPCoM	15/04/2026	16/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	TDM	HOSE	14/04/2026	15/04/2026	29/05/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	ANT	HOSE	13/04/2026	14/04/2026	24/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNX	UPCoM	13/04/2026	14/04/2026	4/5/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 13,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	PTM	UPCoM	10/4/2026	13/04/2026	17/04/2026	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NBE	UPCoM	9/4/2026	10/4/2026	16/09/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HAM	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Thưởng cổ phiếu
18	VGR	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026	17/04/2026	Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BSH	UPCoM	8/4/2026	9/4/2026	24/04/2026	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	VTP	HOSE	7/4/2026	8/4/2026		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:42, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: https://ocbs.com.vn/

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn

THANK YOU